

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1250/LĐLĐ

Về việc báo cáo kết quả đại hội CĐCS và công
đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

Lai Châu, ngày 12 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: - Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố,
- Công đoàn ngành, Công đoàn viên chức.

Căn cứ Công văn số 6777/TLĐ-ToC, ngày 06/6/2023 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về việc báo cáo kết quả Đại hội công đoàn cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở nhiệm kỳ 2023-2028;

Thực hiện Kế hoạch số 328/KH-LĐLĐ ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh về tổ chức Đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội XIII công đoàn tỉnh Lai Châu, nhiệm kỳ 2023-2028; Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đề nghị LĐLĐ các huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức báo cáo kết quả đại hội công đoàn cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở như sau:

1. Xây dựng báo cáo tình hình và kết quả đại hội công đoàn cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở theo đề cương gợi ý và biểu mẫu gửi kèm Công văn này.
2. Thời gian gửi Báo cáo về LĐLĐ tỉnh qua Ban Tổ chức - Kiểm tra trước ngày 05/8/2023.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu VT, Ban TC-KT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thiện



PHỤ LỤC:



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ VÀ CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

II. KẾT QUẢ ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP

1. Đại hội công đoàn cấp cơ sở

1.1. Kết quả đạt được

- Về hình thức
- Về nội dung
- Về công tác nhân sự
- Về những điểm đổi mới, sáng tạo trong quá trình tổ chức đại hội công đoàn

cấp cơ sở.

1.2. Đánh giá chung

- Ưu điểm:
- Một số nhược điểm, tồn tại và nguyên nhân

2. Đại hội Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

2.1. Kết quả đạt được

- Về hình thức
- Về nội dung
- Về công tác nhân sự

2.2. Một số nhược điểm, tồn tại và nguyên nhân

III. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với cấp ủy Đảng
2. Đối với chính quyền
3. Đối với công đoàn cấp trên





KẾT QUẢ ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN CẤP CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo số /.....)

TT	Nội dung	Tổng số CĐCS	Trong đó tính riêng	
			CĐCS DN	Nghiep đoàn
I	Tổng số hiện có			
	- Số phải tổ chức đại hội CĐ			
	- Số phải tổ chức hội nghị CĐ			
1	Kết quả đại hội CĐ:			
	- Số CĐ tổ chức đại hội đúng tiến độ			
	- Số CĐ tổ chức đại hội chậm tiến độ			
	- Số CĐ không thể tổ chức đại hội			
2	Kết quả hội nghị CĐ:			
	- Số CĐ tổ chức hội nghị đúng tiến độ			
	- Số CĐ tổ chức hội nghị chậm tiến độ			
	- Số CĐ không thể tổ chức hội nghị			
II	Tổng số uỷ viên BCH sau ĐH, HN			
1	Cơ cấu số lượng:			
	- Số mới tham gia BCH			
	- Số UV BCH là nữ			
	- Số UV BCH là CB quản lý			
	- Số UV BCH là CBCĐ chuyên trách			
	- Số UV BCH bình quân 01 CĐ			
2	Cơ cấu trình độ học vấn			
	- Số có trình độ trên đại học			
	- Số có trình độ cao đẳng, đại học			

	- Số có trình độ trung cấp			
	- Số có trình độ sơ cấp, chứng chỉ nghề			
3	<i>Cơ cấu trình độ lý luận chính trị</i>			
	Số UV BCH là Đảng viên			
	Trong đó: - Trình độ cử nhân, cao cấp			
	- Trình độ trung cấp			
	- Trình độ sơ cấp			
4	<i>Cơ cấu độ tuổi</i>			
	- Từ 30 tuổi trở xuống			
	- Từ 31 đến 40 tuổi			
	- Từ 41 đến 50 tuổi			
	- Từ 51 trở lên			
III	Uỷ ban kiểm tra CĐ sau ĐH, HN			
1	<i>Số CĐCS, nghiệp đoàn có UBKT</i>			
2	<i>Tổng số uỷ viên UBKT CĐ cấp cơ sở</i>			
	- Số UV UBKT là uỷ viên BCH			
	- Số UV UBKT là nữ			
	- Số UV UBKT trình độ cao đẳng trở lên			
	- Số UV UBKT bình quân 01 CĐ			

Biểu số 02 :



KẾT QUẢ ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo số /.....)

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ TÍNH RIÊNG		
			LĐLĐ các huyện, thành phố	Công đoàn ngành địa phương	Công đoàn khác
I	Tổng số hiện có				
	- Số phải tổ chức đại hội CĐ				
	- Số phải tổ chức hội nghị CĐ				
1	Kết quả đại hội CĐ:				
	- Số CĐ tổ chức đại hội đúng tiến độ				
	- Số CĐ tổ chức đại hội chậm tiến độ				
	- Số CĐ không thể tổ chức đại hội				
2	Kết quả hội nghị CĐ:				
	- Số CĐ tổ chức hội nghị đúng tiến độ				
	- Số CĐ tổ chức hội nghị chậm tiến độ				
	- Số CĐ không thể tổ chức hội nghị				
II	Tổng số uỷ viên BCH sau ĐH, HN				
1	Cơ cấu số lượng:				
	- Số mới tham gia BCH				
	- Số UV BCH là nữ				
	- Số UV BCH là CB quản lý				
	- Số UV BCH là CBCĐ chuyên trách				
	- Số UV BCH bình quân 01 CĐ				
2	Cơ cấu trình độ học vấn				
	- Số có trình độ trên đại học				

	- Số có trình độ cao đẳng, đại học				
	- Số có trình độ trung cấp				
	- Số có trình độ sơ cấp, chứng chỉ nghề				
3	<i>Cơ cấu trình độ lý luận chính trị</i>				
	Số UV BCH là Đảng viên				
	Trong đó: - Trình độ cử nhân, cao cấp				
	- Trình độ trung cấp				
	- Trình độ sơ cấp				
4	<i>Cơ cấu độ tuổi</i>				
	- Từ 30 tuổi trở xuống				
	- Từ 31 đến 40 tuổi				
	- Từ 41 đến 50 tuổi				
	- Từ 51 trở lên				
III	Tổng số UV UBKT CĐ sau ĐH, HN				
	- Số UV UBKT là uỷ viên BCH				
	- Số UV UBKT là nữ				
	- Số UV UBKT trình độ cao đẳng trở lên				
	- Số UV UBKT bình quân 01 CĐ				